

Bản án số: **01/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 28/8/2018

V/v: Ly hôn có yếu tố nước ngoài

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lưu Hồ Loan
- *Các hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
 - 2. Bà Dương Thị Sáng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Bà Đậu Thị Tuyết Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc Ly hôn có yếu tố nước ngoài, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1989

Địa chỉ: U 16, 34401 D, Cộng hòa Séc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức A**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị P có nội dung: Chị và anh Nguyễn Đức A kết hôn ngày 27/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do hoàn cảnh thực tế về khoảng cách địa lý xa xôi cách trở, lòng người đổi thay, hai bên đều đã có sự quan hệ ngoài luồng và không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng cả hai bên đều nhất trí ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị P có đơn xin vắng mặt khi giải quyết ly hôn, lý do vì khoảng cách địa lý xa xôi và công việc nên chị không thể về nước giải quyết ly hôn với anh Đức A.

Bị đơn anh Nguyễn Đức A trình bày: Anh và chị Trần Thị P kết hôn vào tháng 4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh sinh sống tại xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, còn chị P về ở với bố mẹ đẻ tại xã G, huyện K, tỉnh Hưng Yên, hai bên chưa tổ chức lễ cưới. Đến tháng 6/2017 chị P sang Cộng hòa Séc để làm ăn, sau đó hai bên không thường xuyên liên lạc với nhau, ít hỏi thăm quan tâm đến nhau. Đến khoảng tháng 8/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị P có người đàn ông khác, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đức A giữ nguyên ý kiến nhất trí ly hôn với chị Trần Thị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và của người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn) đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Đức A. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự: Chị Trần Thị P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức A, hiện chị Trần Thị P đang sinh sống tại Cộng hòa Séc, do đó đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị P có đơn xin vắng mặt khi giải quyết ly hôn vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt chị Trần Thị P theo quy định tại Điều 207 (quy định những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được); Điều 238 (quy định thủ tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng) của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Đức A đăng ký kết hôn ngày 27/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh Đức A sinh sống tại xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, còn chị P về ở với bố mẹ đẻ tại xã G, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Đến tháng 6/2017 thì chị P sang Cộng hòa Séc để

làm ăn, do xa xôi cách trở nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không thường xuyên liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa, cả hai bên đều đã có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng khác. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn của chị Trần Thị P.

[3] Về con chung: Hai bên đều thừa nhận không có con chung nên không đề nghị giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đề nghị giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử: Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

2. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm chị P đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do ông Nguyễn Ngọc T nộp thay tại biên lai thu số 0000501 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Chị Trần Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ; anh Nguyễn Đức A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hồ Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh - Dương Thị Sáng

Lưu Hồ Loan

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Ninh Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hồ Loan

